

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/LĐ-PT  
Ngày 05-01-2023  
V/v Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao  
động theo hình thức sa thải

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Cường.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Công Lực;  
Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 33/2022/TLPT-LĐ ngày 15/11/2022 về việc “*Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 11/2022/LĐ-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2022/QĐ-PT ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 19/2022/QĐ-PT ngày 23/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: số 1102, đường B, khu phố A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: số 286/6, tổ 8, ấp 4A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* ông Đặng Minh V, sinh năm 1990; địa chỉ: số 42/10, đường T, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 20/12/2022).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y; địa chỉ trụ sở: số 45, đường Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* ông Trương Nhật Q, sinh năm 1975; địa chỉ: số 32, đường số 1, tổ 16, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2022).

3. *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y; địa chỉ trụ sở: số 45, đường Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* *Tại Đơn khởi kiện ngày 08/10/2021 của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M (gọi tắt là ông M) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* ông M làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y (gọi tắt là Công ty) từ tháng 3 năm 2015. Sau khi lần lượt giao kết hai hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng thì ngày 11/4/2017, ông M ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty; công việc chuyên môn là công nhân may, chức danh: tổ phó chuyên may, mức lương thực tế là 7.500.000 đồng.

Ngày 20/5/2020, sau khi hết thời gian làm việc, ông M cùng mọi người trong tổ may xếp hàng chờ bấm thẻ ra về, vì ngại sự va chạm nam nữ, ông M đến đứng phía ngoài gần máy bấm thẻ nên bị quản lý chuyên may lớn tiếng xúc phạm. Ngày 21/5/2020, Công ty quyết định điều chuyển ông M sang làm tạp vụ với thời hạn 06 tháng. Ông M khiếu nại việc điều chuyển này lên Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Bình Dương. Ngày 10/8/2020, Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Bình Dương có Quyết định số 28/QĐ-TTr với nội dung: yêu cầu Công ty thu hồi “*Giấy đề nghị điều chuyển công nhân Nguyễn Thanh M, ký ngày 21/5/2020*” và khôi phục vị trí công việc cho ông M như trước khi điều chuyển. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện và ông M tiếp tục làm công việc tạp vụ cho đến ngày 21/11/2020 (đúng thời hạn 06 tháng). Ngày 23/11/2020, Công ty ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01/11/2020/QĐST về việc sa thải ông Nguyễn Thanh M kể từ ngày 23/11/2020. Tuy nhiên, trong thời gian làm việc, ông M không có vi phạm gì và ông M cũng không biết việc Công ty tổ chức phiên họp xử lý kỷ luật lao động đối với ông M.

Ông M cho rằng việc Công ty xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải ông M là không có căn cứ, trái pháp luật, vi phạm trình tự, thủ tục quy định tại Điều 126 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ nên khởi kiện yêu cầu Công ty bồi thường và thanh toán các khoản sau:

- Tiền lương những ngày ông M phải ngừng việc từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính là 16 tháng) x 7.500.000 đồng/tháng = 120.000.000 đồng.
- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính là 16 tháng) x 21,5% x 5.034.000 đồng/tháng = 17.316.960 đồng.
- Bồi thường 02 tháng tiền lương do kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật với số tiền 7.500.000 đồng/tháng x 2 tháng = 15.000.000 đồng.
- Phải nhận ông M trở lại làm việc, nếu Công ty không đồng ý thì phải bồi thường thêm 02 tháng lương x 7.500.000 đồng/tháng = 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông M yêu cầu Công ty phải thanh toán là 167.316.960 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với mức lương làm căn cứ bồi thường là 7.500.000 đồng/tháng, nguyên đơn chỉ yêu cầu lấy mức lương cơ bản là 5.034.000 đồng/tháng và không yêu cầu Công ty nhận ông M trở lại làm việc và bồi thường 02 tháng lương theo hợp đồng lao động là 10.068.000 đồng. Nguyên đơn ông M chỉ yêu cầu Công ty bồi thường các khoản:

- Tiền lương những ngày ông M phải ngừng việc kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (chỉ yêu cầu 18 tháng) với số tiền là: 5.034.000 đồng/tháng x 18 tháng = 90.612.000 đồng.

- Trả chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (chỉ yêu cầu 18 tháng) với số tiền là: 90.612.000 đồng x 21,5% = 19.481.580 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật với số tiền là: 5.034.000 đồng/tháng x 2 tháng = 10.068.000 đồng.

Tổng số tiền ông M yêu cầu Công ty phải thanh toán là 120.161.580 đồng.

\* *Bị đơn Công ty TNHH Y (gọi tắt là Công ty) do ông Trương Nhật Q đại diện trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết các hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng. Ngày 11/4/2017, ông M tiếp tục ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty, mức lương cơ bản là 5.034.000 đồng/tháng. Trong quá trình làm việc, ông M đã nhiều lần vi phạm kỷ luật lao động, cụ thể:

Ngày 21/5/2020, ông M bị lập Biên bản kỷ luật về việc vi phạm kỷ luật lao động số 01/21/05/KL-YME với lý do: không xếp hàng quét tay khi tan ca, xúc phạm quản lý, xé bỏ biên bản vi phạm, gây mất trật tự, cãi vã lớn tiếng tại nơi làm việc. Ông M không đồng ý ký, tự xé bỏ biên bản có các công nhân khác làm chứng ký.

Ngày 31/8/2020, ông M bị lập Biên bản kỷ luật về việc vi phạm kỷ luật lao động số 01/31/08/KL-YME với lý do: tự ý bỏ đi ăn cơm trong thời gian làm việc, không tuân thủ thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.

Ngày 05/11/2020, ông M bị lập Biên bản kỷ luật về việc vi phạm kỷ luật lao động số 01/05/11/KL-YME với lý do: không chấp nhận lệnh điều hành của quản lý khi từ chối công việc được phân công và có hành vi cự cãi, thách đố.

Ngày 23/11/2020, ông M bị lập Biên bản kỷ luật về việc vi phạm kỷ luật lao động số 01/23/11/KL-YME với một số lý do: không chịu làm việc, chửi bậy, thách thức yêu cầu Ban Giám đốc Công ty sa thải mình.

Tất cả các biên bản ngày 21/5/2020, 31/8/2020, 05/11/2020 và 23/11/2020, ông M đều không ký tên vào biên bản nên Công ty mời người làm chứng ký tên. Căn cứ vào Biên bản xử lý kỷ luật ngày 23/11/2020, Công ty ra quyết định xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải đối với ông M theo khoản 1 Điều 126 của Bộ luật Lao động năm 2012. Mọi quyền lợi của ông M được giải quyết đến ngày 21/11/2020. Việc xử lý kỷ luật ông M không theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Lao động về xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông M, Công ty không đồng ý với những lý do sau: ông M đã nhiều lần vi phạm kỷ luật lao động như đã trình bày. Trong điều kiện Công ty gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, hành vi của ông M nếu không xử lý kịp thời sẽ ảnh hưởng đến kỷ cương, trật tự Công ty, đe dọa gây thiệt hại về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động theo khoản 1 Điều 126 của Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, việc Công ty ra quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải đối với ông M là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu trả lương thời gian ngừng việc từ ngày 23/11/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 18 tháng: trong năm 2021, thực hiện các văn bản của cơ quan Nhà

nước thì Công ty ngừng hoạt động các tháng 7, 8, 9 năm 2021, chỉ hoạt động lại từ tháng 10 năm 2021. Mặt khác, sau khi ngừng việc tại Công ty, ông M đã làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại COLO và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất khẩu Thiên Thành - Chi nhánh Củ Chi. Do đó, Công ty không đồng ý bồi thường 18 tháng lương ngừng việc.

Đối với yêu cầu trả chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18 tháng: Công ty đã thực hiện việc đóng bảo hiểm cho ông M từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 11 năm 2020 và ông M đã lãnh bảo hiểm một lần số tiền 59.154.827 đồng. Từ tháng 12 năm 2020 trở về sau, ông M không còn làm việc tại Công ty nên Công ty không đóng bảo hiểm cho ông M nữa.

Tại Bản án số 11/2022/LĐ-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 10, 21, 42, 90, 98, 99, 123 và 126 của Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y về việc *“Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải”*.

Tuyên bố Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01/11/2020/QĐST ngày 23/11/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y về việc sa thải ông Nguyễn Thanh M là trái pháp luật.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh M số tiền 120.161.580 đồng, bao gồm:

- Tiền lương những ngày phải ngừng việc kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 90.612.000 đồng.

- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 19.481.580 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật là 10.068.000 đồng.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông Nguyễn Thanh M được bồi thường nêu trên đối với phần ông Nguyễn Thanh M phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Nguyễn Thanh M theo quy định của pháp luật từ ngày 23/11/2020 đến ngày 12/9/2022 theo mức lương 5.034.000 đồng/tháng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Đối với phần chênh lệch mức lương cơ bản là 7.500.000 đồng và 5.034.000 đồng.

- Đối với yêu cầu buộc Công ty nhận trở lại làm việc và bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 10.068.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/9/2022, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M. Hai bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yme Vina đã tiến hành sa thải ông M trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc Công ty phải bồi thường cho ông M là có căn cứ. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y (gọi tắt là Công ty) được thực hiện trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa

vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000174 ngày 30/9/2022 nên hợp lệ.

[3] Về nội dung: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều thống nhất thừa nhận ông M vào làm việc tại Công ty từ tháng 3 năm 2015. Sau khi giao kết 02 hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng thì Công ty với ông M ký Hợp đồng lao động số 2354 ngày 11/4/2017, không xác định thời hạn; công việc chuyên môn là công nhân may, chức danh: Tổ phó chuyên may; tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho ông M từ tháng 01 năm 2020 đến khi nghỉ việc (tháng 11 năm 2020) là 5.034.000 đồng/tháng (bút lục 114, 117-118) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Xét trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01/11/2020/QĐST ngày 23/11/2020 về việc sa thải ông Nguyễn Thanh M, nhận thấy: Công ty cho rằng trong quá trình làm việc, ông M nhiều lần vi phạm kỷ luật lao động của Công ty như: không xếp hàng bấm dấu vân tay khi ra về, chửi quản lý, xé biên bản vi phạm, la lối lớn tiếng gây mất trật tự tại nơi làm việc; tự ý bỏ đi ăn cơm trong giờ làm việc; không tuân thủ theo sự điều hành của quản lý; không chịu làm việc, khi được nhắc nhở thì chửi thề, vắng tục với quản lý, thách thức, yêu cầu Ban giám đốc Công ty sa thải, được thể hiện tại các Biên bản kỷ luật về việc vi phạm nội quy lao động ngày 21/5/2020, 31/8/2020, 05/11/2020 và 23/11/2020 (bút lục 127-138). Tuy nhiên, các biên bản kỷ luật nêu trên là do nhân viên Công ty lập, không có chữ ký của người vi phạm ông Nguyễn Thanh M nên ông M không thừa nhận; mặt khác, tại Biên bản kỷ luật về việc vi phạm nội quy lao động ngày 23/11/2020 do Công ty cung cấp (bút lục 129) thể hiện không có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở (hoặc Ban chấp hành Công đoàn cấp trên), không có sự tham gia của người lao động (ông Mến) là không đảm bảo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động, vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 123, Điều 126 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ “*quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01/11/2020/QĐST ngày 23/11/2020 của Công ty về việc sa thải ông Nguyễn Thanh M trái pháp luật và buộc Công ty bồi thường cho ông M là có căn cứ. Ngoài ra, theo các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp còn thể hiện trong quá trình sử dụng lao động, Công ty có hành vi điều chuyển ông M từ Tổ phó chuyên may sang làm công việc tạp vụ tại bộ phận tạp vụ với thời hạn 06 tháng là trái pháp luật, tuy nhiên vấn đề này đã được Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương giải quyết tại Quyết định số 28/QĐ-TTr ngày 10/8/2020 (bút lục 14-16) nên Tòa án không xem xét.

[5] Xét yêu cầu bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc của ông Mến, nhận thấy: theo như phân tích tại mục [5] thì Công ty sa thải ông M trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty “*phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động*” theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012, kể từ ngày bị sa thải trái pháp luật (ngày 23/11/2020) cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lương cơ bản 5.034.000 đồng/tháng (ông Mến yêu cầu làm tròn 18 tháng) với số tiền 90.612.000 đồng cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương với số tiền 10.068.000 đồng, tổng cộng 100.680.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

Việc ông Mền tìm kiếm được việc làm mới hay chưa là quyền của ông M, Công ty lấy lý do này để không chấp nhận bồi thường là không phù hợp. Đối với yêu cầu buộc Công ty nhận trở lại làm việc, ông M tự nguyện rút nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty về thanh toán các khoản tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian ông M không được làm việc là 18 tháng, nhận thấy: tại Công văn số 1153/BHXXH-TTKT ngày 12/8/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương thể hiện Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông M đến tháng 11 năm 2020 và ông M chưa tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp khác (bút lục 184). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty có trách nhiệm truy đóng các khoản bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm xã hội cho ông M trong những ngày ông M không được làm việc tại Công ty từ tháng 12 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) là đúng quy định tại các Điều 18, 19, 21, 22 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc Công ty phải thanh toán trực tiếp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông M kể từ ngày 23/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 18 tháng) với số tiền 19.481.580 đồng là không đúng quy định của pháp luật nên Công ty kháng cáo đối với khoản tiền này là có căn cứ. Các phần khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

[7] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y, sửa một phần Bản án số 11/2022/LĐ-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T theo như đã nêu tại mục [6] và án phí lao động sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là cơ bản phù hợp.

[8] Về án phí lao động phúc thẩm: do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y không phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y. Sửa một phần Bản án số 11/2022/LĐ-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ các Điều 10, 21, 42, 90, 98, 99, 123 và 126 của Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y về việc “*Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*”.

Tuyên bố Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01/11/2020/QĐST ngày 23/11/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y về việc sa thải ông Nguyễn Thanh M là trái pháp luật.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh M số tiền 100.680.000 đồng, bao gồm các khoản:

- Tiền lương những ngày phải ngừng việc kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) là 90.612.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật là 10.068.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông Nguyễn Thanh M được bồi thường nêu trên đối với phần ông Nguyễn Thanh M phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Nguyễn Thanh M theo quy định của pháp luật từ ngày 23/11/2020 đến ngày 12/9/2022 theo mức lương 5.034.000 đồng/tháng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh M về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải thanh toán chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.481.580 đồng.

1.3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M, cụ thể như sau:

Phần chênh lệch mức lương cơ bản từ 7.500.000 đồng/tháng xuống còn 5.034.000 đồng/tháng.

Phần yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y nhận trở lại làm việc và bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 10.068.000 đồng.

1.4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh M được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải chịu 3.020.400 đồng án phí lao động sơ thẩm.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000174 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.



*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đắc Cường**